

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS- ST.
Ngày: 06-9-2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1989 - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1987 – Văn bản ủy quyền ngày 22-6-2021.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy A, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Lê Đ, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H đã đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ngành nghề kinh doanh gồm vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, dụng cụ gia đình, thiết bị điện dân dụng, gạch men, sơn nước.

Do quen biết nên khi ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ xây dựng nhà ở tại Thôn C, xã N, huyện Đ có mua vật liệu xây dựng, đồ trang trí, thiết bị điện, gạch, sơn tại cửa hàng của bà H.

Ngày 30-11-2020 hai bên tiến hành đối chiếu, theo đó ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ còn nợ cửa hàng bà H số tiền 121.829.000đ (*Một trăm hai mươi một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ hẹn trả thành 03 đợt như sau:

Ngày 10-12-2020 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 30-12-2020 trả 21.829.000 đồng.

Ngày 20-12-2020 (âm lịch) trả 50.000.000 đồng.

Khoảng tháng 12 năm 2020 ông A có trả vào tài khoản của ông Nguyễn Đình T (là chồng bà Phạm Thị H) số tiền 40.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông A, bà Đ chưa trả thêm số tiền nào. Như vậy, ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ còn nợ cửa hàng bà H số tiền 81.829.000 đồng.

Bà Phạm Thị H đứng tên chủ hộ kinh doanh. Tuy nhiên, việc mua bán, giao dịch đều do cả hai vợ chồng (cùng ông Nguyễn Đình T) thực hiện.

Do ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ vi phạm trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của vợ chồng bà H, ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ phải trả số tiền nợ phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa là 81.829.000 đồng.

Bị đơn bà ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ trình bày:

Ông Nguyễn Huy A làm cùng ngành xây dựng với ông Nguyễn Đình T (là chồng bà Phạm Thị H). Khoảng tháng 8 năm 2020 ông A, bà Đ có nhu cầu xây dựng nhà ở tại Thôn C, xã N, huyện Đ nên liên hệ mua toàn bộ vật liệu xây dựng tại hộ kinh doanh Phạm Thị H.

Theo thỏa thuận ban đầu, ông T chồng bà H nói nếu ông A, bà Đ thiếu tiền thì được trả dần. Tổng số tiền mua vật liệu xây dựng là 202.000.000 đồng.

Khoảng tháng 11 năm 2020 nhà ông A, bà Đ xây nhà xong. Ngày 30-11-2020 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ. Theo đó ông A, bà Đ còn nợ ông T, bà H số tiền 121.829.000 đồng. Ông A, bà Đ hẹn trả thành 03 đợt như trình bày của bà H, ông T.

Tháng 12 năm 2020 ông A, bà Đ chuyển khoản trả cho ông T, bà H số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 03-02-2021 bà Đ đưa cho nhân viên của ông T để trả thêm 20.000.000 đồng nhưng ông T không nhận với lý do chỉ nhận tiền một lần.

Ông A, bà Đ thừa nhận số tiền còn nợ ông T, bà H từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng là 81.829.000 đồng. Tuy nhiên, do kinh tế gặp khó khăn, không thể trả một lần nên đề nghị được trả dần 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi trả xong.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T trình bày:

Ông T trình bày như trình bày của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ phải cho ông T, bà H số tiền còn nợ phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa là 81.829.000 đồng.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tại phiên tòa.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Do các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H, buộc ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ trả cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Đình T 81.829.000 đồng tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai của bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H, yêu cầu ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ trả 81.829.000 đồng nợ xuất phát từ hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đăng ký thường trú tại Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ và tạm trú tại Thôn C, xã N, huyện Đ. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H: Bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đăk R’Lấp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, ngành nghề kinh doanh gồm vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, dụng cụ gia đình, thiết bị điện

dân dụng, gạch men, sơn nước. Quá trình kinh doanh ông Nguyễn Đình T, là chồng bà H cùng bà H thực hiện việc giao dịch với khách hàng.

Khoảng tháng 8 năm 2020, ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ có nhu cầu xây dựng nhà ở tại Thôn C, xã N, huyện Đ và mua vật liệu xây dựng, đồ trang trí, thiết bị điện, gạch, sơn... tại hộ kinh doanh Phạm Thị H.

Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ và bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Đình T là tự nguyện, theo sự thỏa thuận giữa hai bên. Theo đó bà H, ông T chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho ông A, bà Đ; ông A, bà Đ trả tiền cho bà H, ông T. Đối tượng của hợp đồng mua bán là vật liệu xây dựng, trang thiết bị gia dụng, gạch men, sơn nước... Như vậy, hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên phù hợp theo quy định tại Điều 430, Điều 431 của Bộ luật Dân sự và có hiệu lực thi hành.

Ngày 30-11-2020 hai bên tiến hành đối chiếu, theo đó ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ còn nợ hộ kinh doanh Phạm Thị H số tiền 121.829.000đ (*Một trăm hai mươi một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*). ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ hẹn trả thành 03 đợt như sau:

Ngày 10-12-2020 trả 50.000.000 đồng.

Ngày 30-12-2020 trả 21.829.000 đồng.

Ngày 20-12-2020 (âm lịch) trả 50.000.000 đồng.

Tháng 12 năm 2020 ông A trả vào tài khoản của ông Nguyễn Đình T 40.000.000 đồng. Sự việc được các đương sự thừa nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ đầu năm 2021 đến nay, ông A, bà Đ chưa trả được thêm tiền cho bà H, ông T. Như vậy, ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ còn nợ hộ kinh doanh Phạm Thị H số tiền 81.829.000 đồng.

Do ông Nguyễn Huy A, bà Nguyễn Lê Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hộ kinh doanh Phạm Thị H, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ trả tiền nợ mua vật liệu xây dựng số tiền 81.829.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H được chấp nhận nên bà Hạnh, ông A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ trả cho bà Phạm Thị H - Chủ hộ kinh doanh Phạm Thị H và ông Nguyễn Đình T số tiền 81.829.000đ (*Tám mươi một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Huy A và bà Nguyễn Lê Đ phải nộp 4.091.450đ (*Bốn triệu không trăm chín mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H được nhận lại 2.045.000đ (*Hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004786 ngày 31-5-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà